

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 19/11/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Thành
Bà Trần Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **123/2020/TLST-HNGĐ** ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê N H T**- Sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 64, tổ dân phố 01, phường N T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn N K** - Sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 120, tổ dân phố 05, phường M T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/6/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê N H Trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lê N H T và anh Nguyễn N K kết hôn năm 2012, tại UBND phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, n H sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống lý do chủ yếu là do anh K thường xuyên đi chơi 1 giờ đến 2 giờ đêm mới về, nhiều hôm về anh K say rượu, mỗi lần tôi nói thì anh K đã đánh tôi, xúc phạm tôi, anh thiếu trách nhiệm trong việc với gia đình. Mỗi một lần mâu

thuận chị T đã tha thứ và nhờ hai bên họ hàng, bạn bè khuyên bảo hòa giải nhiều lần sau đó chỉ được một thời gian ngắn anh K lại chơi game ngày đêm mà không chịu làm ăn, tôi có tham gia góp ý thì anh K đã có những câu nói vô văn hóa trước mặt khách và các con, khi không thỏa mãn nhu cầu của anh, anh hay bạo lực dẫn đến tinh thần của tôi hoảng loạn bất an trong thời gian chung sống. Anh K cấm đoán tôi không cho tôi giao tiếp gặp bạn bè, ghen tuông vô cớ và nhục mạ tôi. Mẫu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng nhất vào tối ngày 05/5/2020 anh K đòi mượn máy điện thoại của tôi để chơi điện tử tôi không đồng ý, sau đó anh K đã vu cho tôi là có chuyện mờ ám sau đó anh K đã kéo tôi vào nhà vệ sinh khóa trái cửa đánh tôi mặc cho tôi quỳ lạy van xin. Ngày 06/5/2020 tôi đã xin phép bố mẹ chồng về bên bố mẹ để tôi ở từ đó cho tới nay anh K vẫn tìm và gọi điện nhục mạ tôi và làm mất danh dự của tôi. Nay tôi xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn mang lại đau khổ cho nhau. Chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Chị Lê N H T và anh Nguyễn N K có 02 con chung: Cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc G L, sinh ngày 28/10/2012; cháu thứ hai Nguyễn N H, sinh ngày 19/10/2014, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi cháu H là 3.000.000 đồng. Tại buổi tiếp cận chứng cứ ngày 27/8/2020 chị T xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tại buổi tiếp cận chứng cứ ngày 16/9/2020 chị T có ý kiến do điều kiện kinh tế gia đình anh K ổn định và việc hai con chung ở với anh K thuận lợi cho các cháu học tập tốt, hiện nay các cháu đang ở với anh K. Nguyện vọng của hai con chung cũng muốn ở với anh K. Bản thân chị T đang đi thuê quán để làm sửa móng tay, móng chân và còn dạy học viên không có thời gian chăm sóc 2 con, do vậy chị T mong muốn để anh K nuôi hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; 4. Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có

Ngày 30/6/2020, sau khi thụ lý vụ án theo đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc Hà T. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 123/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tổng đạt trực tiếp cho anh Nguyễn N K. Tuy nhiên đã đến nhiều lần n H anh K không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh K từ chối nhận, anh K không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Tổ trưởng tổ dân phố nơi anh K cư trú thì tổ trưởng tổ dân phố 05, phường Mường Thanh cho biết anh K đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 05, phường M T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ n H hiện nay anh K đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh K đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại tổ dân phố 05, phường M T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ và niêm yết tại Tòa án nhân dân thành phố

Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên n H đến ngày 06/10/2020 Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ số 03/TB-TA ngày 06/10/2020 tổng đạt hợp lệ cho chị T và anh K, đến ngày 15/10/2020 anh K đã gửi Tòa án Bản tự khai như sau:

Về tình cảm: Tôi và cô T lấy nhau có đăng ký kết hôn năm 2012, tại UBND phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời điểm tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi nghi ngờ cô T có mối quan hệ với người đàn ông khác, tôi có ghen và tát cô T sau đó cô T đã bỏ về bên bố mẹ đẻ của cô T ở từ đó cho đến nay. Đến nay tôi vẫn còn tình cảm yêu thương cô T, tôi mong muốn gia đình đoàn tụ cho con đủ bố mẹ, cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Tôi và cô T có 02 con chung: Cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc G L, sinh ngày 28/10/2012; cháu thứ hai Nguyễn N H, sinh ngày 19/10/2014. Nếu cô T cương quyết ly hôn thì tôi xin nuôi hai con chung, không yêu cầu cô T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản riêng: Không có;

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ phải trả, nợ lấy về: Không có

Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại phiên tòa anh K có đơn xin hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 19/11/2020. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai và tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa chị Lê N H T và anh Nguyễn N K vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 29/6/2020 chị Lê N H T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với anh Nguyễn N K có địa chỉ tại số nhà 120, tổ dân phố 05, phường M T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ Biên. Ngày 29/6/2020 chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án,

cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn giữa chị Lê N H T và anh Nguyễn N K cùng trú tại số nhà 120, tổ dân phố 05, phường M T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS. Tại phiên tòa anh K có mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lê N H T và anh Nguyễn N K kết hôn năm 2012 tại UBND phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh K đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Theo chị T thời gian sau này do anh K không chịu tu trí làm ăn, hay ghen tuông mù quáng dẫn đến cuộc sống của vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, anh K thường xuyên đánh đập chị T, gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần, danh dự của nhau. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn n H không thành, nay chị T xin được ly hôn với anh K. Tòa án đã thông báo cho anh K được biết, n H anh K từ chối nhận và anh K không hợp tác. Đến ngày 15/10/2020 anh K dẫn gửi Tòa án Bản tự khai và tại phiên tòa anh K xác định tình cảm của anh dành cho chị T vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành, anh không nhất trí ly hôn. Chị T xác định từ khi vợ chồng sống ly thân chị không còn quan tâm đến anh K, không còn tình cảm. Ngày 29/6/2020 chị T có đơn đề nghị và có xác nhận về tình trạng hôn nhân tại UBND phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc Hà T, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lê N H T và anh Nguyễn N K.

[2.2] Xét về con chung: Đơn khởi kiện ngày 29/6/2020 chị Lê N H T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung: Cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc G L, sinh ngày 28/10/2012; cháu thứ hai Nguyễn N H, sinh ngày 19/10/2014, yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi cháu H là 3.000.000 đồng. Tại buổi tiếp cận chứng cứ ngày 27/8/2020 chị T xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tại buổi tiếp cận chứng cứ ngày 16/9/2020 chị T có ý kiến do điều kiện kinh tế gia đình anh K ổn định và việc hai con chung ở với anh K

thuận lợi cho các cháu học tập tốt, hiện nay các cháu đang ở với anh K. Nguyễn vọng của hai con chung cũng muốn ở với anh K. Bản thân chị Tranh đang đi thuê quán để làm sửa móng tay, móng chân và còn dạy học viên không có thời gian chăm sóc các con, do vậy chị Tranh nhất trí để anh K nuôi hai con chung. Anh K nhất trí. Xét thấy việc chị T rút yêu cầu là có căn cứ. HĐXX chấp nhận giao hai con chung: Cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc G L, sinh ngày 28/10/2012; cháu thứ hai Nguyễn N H, sinh ngày 19/10/2014 cho anh Nguyễn N K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị T có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh K.

[3] Xét về tài sản:

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy: Không có.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê N H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê N H T được ly hôn với anh Nguyễn N K.

2. Về con chung: Anh Nguyễn N K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là: Cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc G L, sinh ngày 28/10/2012; cháu thứ hai Nguyễn N H, sinh ngày 19/10/2014, cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê N H T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, n H được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2020/ 0000154 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Lê N H T và anh Nguyễn N K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 19/11/2020./.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND phường Mường Thanh;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền